

KHỔNG GIÁO TRONG LỊCH SỬ NHẬT BẢN

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Yamato là nhà nước đầu tiên hình thành ở Nhật Bản (khoảng cuối thế kỷ IV) song phải tới cuối thế kỷ V mới thống nhất được toàn quốc. Cũng từ đây, trước sự phát triển của kinh tế, xã hội thì nhu cầu xây dựng một chính quyền nhà nước vững mạnh và phương pháp thống trị trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Trong khi đó, từ thế kỷ V, sự du nhập của văn minh Trung Quốc (cùng với những đợt di dân của Trung Quốc và Triều Tiên) sang Nhật Bản ngày càng nhiều. Song, phải đến thế kỷ VI, quá trình du nhập này có sự gia tăng đột ngột khiến Nhật Bản trải qua hàng loạt những thay đổi về kinh tế, chính trị, văn hoá. Sự thay đổi này có sự đóng góp không nhỏ của quá trình tiếp xúc tôn giáo mà trong đó Khổng giáo có vị trí, vai trò không thể phủ nhận. Bài viết xin được đề cập tới những nét cơ bản về Khổng giáo trong lịch sử Nhật Bản.

Cùng với Khổng giáo, chế độ chính trị, tư tưởng Nho gia đã được truyền bá ở Nhật Bản. Cần thấy rằng, Khổng giáo du nhập vào Nhật Bản trong bối cảnh người Nhật Bản đã có một truyền thống tôn giáo bản địa khá vững chắc là Thần đạo (Shinto). Tuy nhiên, Thần đạo lại không đủ và không có một hệ thống các giá trị đạo đức, chính trị tư tưởng được xem là chân lý. Chính vì thế, Khổng giáo đã góp phần bổ sung, bù đắp cho những nhận thức mà Thần đạo không thể có hoặc tìm đến xu hướng vay mượn, hỗn dung giữa các tôn giáo nhằm phục vụ cho hệ thống chính quyền Nhà nước Nhật Bản. Trên thực tế, ảnh hưởng của Khổng giáo đối với sự phát triển của Nhật Bản đã có từ các triều đại cuối của Nhà nước Yamato

khi người ta tìm thấy từ Khổng giáo một hệ thống khá hoàn chỉnh về thể chế nhà nước với các vấn đề liên quan về chính trị, đạo đức, phương pháp cai trị v.v... là những điều còn thiếu trong truyền thống tôn giáo vốn phi hệ thống của Nhật Bản. Vì lẽ đó, để củng cố chế độ trung ương tập quyền, các vương triều Nhật Bản không ngần ngại tiếp thu, sử dụng tư tưởng chính trị của Khổng giáo, trên hết là đề cao uy quyền tuyệt đối của Thiên hoàng cùng với nguyên tắc cai trị bằng đạo lý sẽ đem lại sức mạnh của con người và đem lại trật tự trong xã hội. Ngay từ thời Thiên hoàng Shotoku Taishi (574 - 622) đã định ra chế độ quan lại 12 cấp và chức quan lại không được cha truyền con nối. Ngoài ra trong "Luật 17 điều" công bố năm 604 cũng đặt tư tưởng trung quân lên hàng đầu và ghi rõ "nước không thể có hai vua"... Hầu hết giai cấp quý tộc Nhật Bản đều muốn xây dựng ở nước mình một thể chế nhà nước như mô hình của chế độ phong kiến Trung Quốc. Do đó, Khổng giáo được xem như một "công cụ" hữu hiệu để nhằm thay thế hệ thống triều đình của các thị tộc (Uji) bằng cơ cấu nhà nước trung ương tập quyền lấy dân tộc làm trung tâm với bộ máy quan lại theo mô hình Trung Quốc. Tư tưởng của Khổng giáo với quyền lực tuyệt đối của Thiên hoàng, bộ máy quan lại, chủ nghĩa phân phối bình quân (với đất đai) v.v... là một trong những nguyên nhân dẫn đến cải cách Taika (646).

Cải cách Taika phản ánh một giai đoạn phát triển của lịch sử Nhật Bản song trong việc thiết lập trật tự và thể chế mới, Nhật Bản đã chịu ảnh hưởng của Trung

Quốc một cách rõ nét. Đặc biệt hơn nữa về dấu ấn của Khổng giáo là không thể phủ nhận những biểu hiện ở tư tưởng trật tự tự nhiên, trật tự xã hội, cơ chế đạo đức, lý thuyết chính trị, luật pháp, giáo dục v.v... Cũng dễ hiểu bởi mô hình nhà nước ở Trung Quốc thời bấy giờ (nhà Tuỳ và nhà Đường) đã đạt tới đỉnh cao hưng thịnh trong việc thống nhất cũng như quản lý đất nước. Do đó, những người chủ trương cải cách ở Nhật Bản đã tìm thấy ở Trung Quốc thời kỳ này một hình mẫu nhà nước phù hợp với mong muốn của mình. Chính vì vậy, từ sau cải cách Taika đến thế kỷ VIII, hệ thống chính quyền mới ở Nhật Bản gần như một bản sao của hệ thống chính quyền nhà Đường cho dù có một số điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của Nhật Bản. Mặc dù có một vài điểm khác biệt song nhìn chung, người Nhật chấp nhận những nguyên tắc cai trị và đạo đức của người Trung Quốc. Những nguyên tắc này không gì khác hơn là dựa vào Khổng giáo, điều đó có nghĩa là không chủ yếu nhằm vào những quyền uy áp đặt khiên cưỡng mà dựa vào mệnh trời, những quy luật tự nhiên, thiên định mà vua tôi đều phải chấp thuận. Bên cạnh đó, hệ thống cai trị ở Nhật Bản thế kỷ VII, VIII thể hiện rất rõ ảnh hưởng của Khổng giáo khi triều đình có hẳn một bộ với chức năng xem thiên văn để dự báo công việc giúp cho Thiên hoàng nhằm đi đúng tư tưởng của Khổng giáo và "điều hoà âm và dương". Thời Nara (710 - 794) Khổng giáo đã được truyền bá rộng rãi ở Nhật Bản cho nên giai cấp thống trị và giới có học vấn không thể tách khỏi ảnh hưởng của tư tưởng Khổng giáo bởi không thể phủ nhận rằng Khổng giáo đã đem lại cho văn minh Trung Quốc một sức mạnh to lớn. Không có gì thuyết phục hơn với người Nhật Bản khi nhận thấy điều đó, nhất là với họ chưa có một học thuyết riêng hoàn chỉnh đáp ứng cho nhu cầu

hiểu biết về vũ trụ về con người. Ngoài học thuyết về đạo đức - chính trị thì thuyết Âm Dương và Ngũ Hành là hai học thuyết được xem là rất cơ bản về vũ trụ trong hệ thống triết học của Khổng giáo. Người Nhật Bản đã áp dụng thiên văn, tư tưởng đạo lý cơ bản của Khổng giáo vào trong hệ thống giáo dục của mình. Chẳng hạn như nhà nước lập ra các trường học về Khổng giáo ở trung ương và địa phương theo mô hình của Trung Quốc với những nghi lễ Khổng giáo cũng tương tự như vậy dù quy mô có nhỏ hơn. Đương nhiên việc học ở các trường là đặc quyền của giai cấp quý tộc nhằm đào tạo lực lượng cung cấp cho bộ máy quan lại song triết học Trung Quốc nói chung và Khổng giáo nói riêng luôn được giảng dạy trong các trường ở Nhật Bản từ đầu thế kỷ VIII đến nay. Trừ một số ít ngoại lệ, dù có ít nhiều thay đổi về sau nhưng việc học cũng chỉ mở rộng cho tầng lớp quan lại hoặc con cái của các thư lại ở các trường nhỏ địa phương. Và lại, tôn ty trật tự ở Nhật Bản chủ yếu dựa vào tuổi tác, dòng dõi xuất thân hơn là năng lực nên nhiều khi học vấn chỉ là sự trang sức cho tầng lớp có đặc quyền, xa rời thực tế và nhu cầu thông thường. Vì điều này mà việc giáo dục Khổng giáo không phải lúc nào cũng gặp thuận lợi trong nhiều thời kỳ lịch sử. Song, về cơ bản truyền thống của Khổng giáo vẫn luôn được người Nhật Bản tôn trọng và thay vì rập khuôn cứng nhắc, họ vận dụng tư tưởng giáo lý Khổng giáo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của mình. Thật ra, học thuyết, tư tưởng Khổng giáo ảnh hưởng rất lớn đến thể chế Nhà nước Nhật Bản từ thế kỷ VII khi mà hệ thống luật pháp hầu hết dựa vào đó để hình thành bộ luật quốc gia. Trước thế kỷ X, khi nói đến phép trị nước, các bộ luật dựa vào Khổng giáo để nhấn mạnh về sự hài hoà giữa các giai cấp trong xã hội, tư tưởng về sự thoả hiệp, sự hài hoà trong xã hội, về các "lễ"

làm phương châm xử thế. Tất cả không có gì khác hơn là nguyên tắc đạo đức của Khổng giáo. Hơn nữa, trong các bộ luật cũng lấy tư tưởng Khổng giáo về quyền lực khi cho rằng mọi việc xảy ra trong tự nhiên là do Thiên định, việc trị nước cũng vậy cho nên mối quan hệ trên - dưới giữa người với người phải được duy trì. Qua đó, người dưới phải biết phục tùng, người trên phải biết giữ Lễ. Mối quan hệ này bị đình trệ hoặc cắt đứt sẽ làm đạo lý suy đồi và chính trị sai lầm. Không có gì lạ khi Thiên hoàng Nhật Bản cũng tự xưng là "thiên tử" để thay mặt các thần có trách nhiệm cai trị đất nước trong khi Thiên tử của Nhật Bản còn được coi là con cháu của nữ thần Mặt Trời. Thời kỳ sau, ảnh hưởng của Khổng giáo trong khái niệm về vương quyền đã được nâng lên ở mức độ cao hơn tức thay vì thể hiện dưới dạng sự kế vị của Thần quyền đã chuyển sang bằng những đạo luật, luật về cha truyền con nối, luật kế vị. Qua đó, tác động của Khổng giáo tới người Nhật lâu dần trở thành thói quen, khiến người ta hành động xuất phát từ những đạo luật, thực hiện theo luật. Điều đó được cụ thể hoá trong các điều luật, chỉ dụ, chẳng hạn luật năm 743 khẳng định lễ và nhạc là hai yếu tố cần thiết cho sự ổn định chính trị trong cả nước v.v...

Có thể nói, Khổng giáo ở Nhật Bản đã chi phối hệ thống cai trị và có sức thuyết phục đặc biệt trong một số hành vi, nghi lễ đặc biệt giá trị luân lý, đức hiếu trung từng thấm nhuần trong giới cầm quyền cho tới ý thức của các gia đình. Việc thờ cúng tổ tiên ở Nhật Bản vừa là thể hiện đạo hiếu vừa là nhân tố quan trọng trong đời sống người Nhật song rõ ràng việc này do ảnh hưởng, tiếp thu từ Khổng giáo mà thành. Thật vậy, một trong những kinh sách đầu tiên được học nhiều ở Nhật Bản là cuốn Hiếu kinh (cuối thế kỷ VIII) và là một phần trong chương trình học của mỗi trường. Không chỉ vậy, đũa trẻ

biết đọc đều phải thuộc lòng tất cả những điều giáo huấn trong cuốn kinh đó.

Thế kỷ IX, xã hội Nhật Bản xuất hiện mâu thuẫn với một khuynh hướng tiếp thu mạnh mẽ ảnh hưởng mô hình đạo đức mặt khác lại muốn điều chỉnh, thậm chí xoá bỏ mô hình chính trị - luật pháp kiểu nhà Đường. Tuy vậy, Khổng giáo vẫn được ghi đầu tiên vào chương trình học và giảng dạy ở các trường, Hơn bao giờ hết việc học được coi trọng ở Nhật Bản với tám gương của các Thiên Hoàng khiến giai cấp quý tộc cũng bị ảnh hưởng và say mê học tập trong đó có Khổng giáo. Hệ thống giáo dục ở Nhật Bản thời kỳ này gồm một trường đại học quốc gia ở kinh đô (Daigaku) với vài trăm sinh viên, ở mỗi tỉnh có một trường (Kokugaku) với khoảng từ 20 - 50 học sinh. Đương nhiên con cái tầng lớp dưới không có điều kiện theo học trừ một số gia đình các học giả có nhiều cống hiến với quốc gia. Nhìn chung người học được tôn trọng và vị trí được đề cao.

Hầu hết giới quý tộc đều cho rằng muốn trị được nước phải theo giáo lý Khổng giáo, trong đó lòng hiếu thảo của con cái là nguồn gốc của mọi luân lý. Ngoài ra, tinh thần của Khổng giáo chi phối việc biên soạn luật, điều chỉnh, xem xét lại luật pháp, làm thơ, viết văn đều như vậy. Nhiều nhà thơ, nhà luật học, học giả thời kỳ này là-tín đồ trung thành của giáo lý Khổng giáo. Việc tuyển dụng, chế độ thi cử tương tự ở Trung Quốc và điều kiện đầu tiên để được chọn vào bộ máy quan lại là biết tiếng Trung. Như vậy, Khổng giáo không chỉ thúc đẩy mạnh sự phát triển của các hệ thống luật pháp, luân lý và giáo dục mà còn tiếp tục là nguyên tắc đạo lý chủ yếu về hành vi và tư cách trong suốt thời kỳ lịch sử tiếp theo.

Thời Trung thế (1192 - 1542) trong lịch sử Nhật Bản có thể nói là thời kỳ hưng thịnh của Phật giáo song không có

nghĩa là Khổng giáo mất đi mà vẫn có vai trò, vị trí nhất định trong xã hội. Bản thân Khổng giáo cũng có những thay đổi khi đề cập một cách chi tiết hơn về một số giáo lý trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên với xã hội như: sự tu dưỡng bản thân, đạo đức cai trị... Cũng từ đầu thế kỷ XII, Khổng giáo mới từ Trung Quốc du nhập Nhật Bản nhưng không dành được vị trí quan trọng như trước kia song vẫn có giá trị về mặt ý thức trong việc đáp ứng cho những yêu cầu của tầng lớp cầm quyền như ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi. Tuy nhiên, từ góc độ khác lại cho thấy trong Khổng giáo cũng có tính bảo thủ nên khi vào Nhật Bản hạn chế này cũng biểu hiện trong đời sống chính trị, xã hội ở nước này. Hơn nữa, việc tiếp thu Khổng giáo ở Nhật Bản cũng phải trải qua thời kỳ thử nghiệm, mở rộng nên không thể tránh khỏi những sai lầm, không phù hợp với thực tế. Hệ quả tất yếu là Khổng giáo cũng rơi vào thời kỳ suy giảm về vị trí trong một thời kỳ khá dài.

Bước vào thời Cận thế (1543- 1868) khi mà ảnh hưởng của Phật giáo có dấu hiệu suy giảm thì Khổng giáo lại bước vào giai đoạn phục hồi và hưng thịnh ở Nhật Bản. Tuy vậy, phải đến thời Mạc Phủ Edo (1603- 1868), Khổng giáo mới được truyền bá sâu rộng nhất và dành được vị trí quan trọng bởi có sự bảo trợ của nhà nước, chính quyền Mạc Phủ tầng lớp lãnh chúa phong kiến. Thật ra, ngay từ thế kỷ XIV, Khổng giáo được trình bày như hệ thống tư tưởng của Chu Hi (nhà triết học đời Tống (1130 - 1200), truyền bá và tranh luận sôi nổi ở Nhật Bản. Song, vì điều kiện lịch sử nên phải đến khi chính quyền Mạc Phủ xác lập vững chắc từ thời Tokugawa Ieyasu (1542- 1616), thì vấn đề tư tưởng, triết học Khổng giáo mới đi vào cuộc sống thực tiễn. Bản thân Ieyasu cũng sử dụng một học giả về Chu Hi nổi tiếng là

Hayashi Razan (1583- 1657) làm cố vấn cho chính quyền và đứng đầu Viện Nghiên cứu văn hoá Trung Quốc. Thông qua vị trí của Razan mà uy tín và ảnh hưởng của Khổng giáo đã được nâng lên một bước mới. Ngoài ra, cũng có nhiều lãnh chúa phong kiến xuất thân là Samurai cũng đã mời các học giả về Khổng giáo làm cố vấn về các vấn đề hành chính và giáo dục.

Ngoài những tín đồ Khổng giáo theo trường phái Chu Hi, thời Edo còn có hai trường phái khác nghiên cứu Khổng giáo. Thứ nhất là những người kế tục tư tưởng của Khổng giáo mới do Dương Vương Minh (1473-1529) khởi xướng từ trước kia, nay tiếp tục phát triển với đại biểu là Nakaye Tōyō (1608-1648) và Kumazawa Banzan (1619-1691). Trường phái này phát triển thành một hệ thống có danh nghĩa tôn giáo trong tầng lớp võ sĩ đạo, nông dân và thương nhân khá giả. Thứ hai là trường phái Cổ học (Kogaku) chủ trương nhấn mạnh về việc trở về với giáo lý của Khổng Tử và Mạnh Tử.

Các trường phái này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nghiên cứu Khổng giáo và cụ thể hoá thể chế chính trị đồng thời tìm cơ sở triết học để lý giải và củng cố hệ thống chính trị, luật pháp đang được chính quyền Mạc Phủ áp dụng trong nước. Từ nửa đầu thế kỷ XVII, nhiều trường học thành lập cùng với đền thờ Khổng Tử và nghi lễ Khổng giáo được khôi phục và phổ biến. Sở dĩ có hiện trạng này là bởi truyền thống Khổng giáo từ xa xưa và triết học Chu Hi gặp nhau ở tính nhân văn của nó tức tập trung vào mối quan hệ giữa người với người chứ không phải với thiên nhiên hay thần thánh. Khi đề cập tới 5 mối quan hệ (đồng thời là nghĩa vụ) giữa vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bè bạn cũng có nghĩa đề cao lòng chung thủy và trung thành là những điều rất phù hợp với một xã hội phong kiến Nhật Bản thời kỳ này.

Qua đó, cung cấp một mô hình thống nhất mà chế độ Mạc Phủ cần xây dựng để duy trì chính quyền và trật tự xã hội ở Nhật Bản sau thời kỳ nội chiến, cát cứ liên miên. Đây là chính quyền quân sự, do các Tướng quân (Sogun) chuyên quyền lãnh đạo, chỉ nhằm chủ yếu vào việc thiết lập uy quyền với kẻ dưới nên họ tìm thấy ở Khổng giáo những điều thích hợp với chế độ chính trị của mình. Cuối cùng, Khổng giáo (bao gồm cả học thuyết Khổng giáo mới) chính thức được thừa nhận ở Nhật Bản và bắt đầu chi phối đời sống tinh thần của tầng lớp thống trị. Điều đó làm thúc đẩy việc học nghiên cứu Khổng giáo tức làm tăng số học giả làm việc cho chính quyền Mạc Phủ và cho các thái ấp của các lãnh chúa phong kiến. Cuối thế kỷ XVII, trường đại học của dòng họ Hayashi đã trở thành trung tâm truyền bá Khổng giáo ở Nhật Bản. Không chỉ vậy, ở các lãnh địa, các lãnh chúa phong kiến cũng xây dựng trường học, nghiên cứu Khổng giáo, tiến hành nghi lễ thờ Khổng Tử, học tiếng Trung Quốc cổ v.v... nhằm cổ xúy cho tư tưởng Khổng giáo đặc biệt nhấn mạnh về vấn đề giáo dục. Ngoài ra, các học giả về Khổng giáo cũng mở trường tư mà học sinh không chỉ là Samurai mà con nhà bình dân cũng có thể theo học.

Số tín đồ theo Khổng giáo ngày càng nhiều, một mặt phản ánh chính sách phát triển văn hoá và đạo đức của chính quyền Mạc Phủ song mặt khác nhằm phục vụ cho mục đích chính trị tư tưởng, mặc dù các học giả Khổng giáo chưa có được uy thế chính trị quan trọng nhưng tư tưởng của Khổng giáo đã chiếm lĩnh môi trường học vấn ở kinh đô và đô thị, nhất là về vấn đề giáo dục. Dù sao, tác động trực tiếp của Khổng giáo với chính sách của chính quyền Mạc Phủ là không thể phủ nhận tuy rằng Khổng giáo mới chưa có được chỗ đứng vững chắc bởi không có tính thực tiễn nhưng lại không được

phép thay đổi. Nói như vậy song tư tưởng của Khổng giáo mới đã là chỗ dựa về mặt lý luận cho hệ thống chính quyền Mạc Phủ vì tuy bị chỉ trích nhưng 5 mối quan hệ giữa người với người phải được duy trì. 5 mối quan hệ này không chỉ tăng cường cơ cấu xã hội cho chính quyền Mạc Phủ mà còn đặt nền tảng về đạo đức để tổ chức một xã hội có ý thức về nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ của giới cầm quyền và nghĩa vụ của người dân). Tính thực tế và giá trị đạo đức trong Khổng giáo mới cũng giúp cho chính quyền Mạc Phủ có một bộ máy cai trị gồm những con người theo những tiêu chuẩn, quy tắc đạo đức chặt chẽ. Người sáng lập ra Khổng giáo là Khổng Tử được thờ trong các ngôi đền riêng không chỉ ở Edo (Tokyo ngày nay) mà còn ở nhiều lãnh địa phong kiến. Năm 1690, theo lệnh Tướng quân Tsunayoshi, một ngôi đền lớn thờ Khổng Tử ở Kanda được xây dựng và trở thành trung tâm lễ hội kỷ niệm Khổng Tử của cả nước. Lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu với sự tham gia của Tướng quân và quân thân tới dự. Qua đó, việc nghiên cứu học thuyết của Khổng Tử cũng có vai trò quan trọng trong thế kỷ XVIII. Trường đại học ở kinh đô nằm trong bộ Lễ cũng giảng dạy về Khổng giáo do vậy các quan lại cao cấp của bộ này đều là những môn đồ cao cấp của Khổng giáo và có cha truyền con nối. Trường đại học chịu trách nhiệm mở các khoa thi, chấm thi và tổ chức lễ vinh quy cho những sĩ phu, nho sĩ đỗ đầu.

Những biến đổi về kinh tế - xã hội khiến cho trên một số mặt, ảnh hưởng của Khổng giáo mới bắt đầu giảm đi từ cuối thế kỷ XVIII bởi không còn phù hợp với những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đương thời cần phải có biện pháp giải quyết thực dụng. Thậm chí, đền thờ Khổng Tử ở Kanda vẫn được gìn giữ trong việc thờ phụng đã bị xem nhẹ. Mặc

dù vậy, trong vài thế kỷ, Khổng giáo cũng có được vị trí chính thức với tư cách là một tôn giáo có uy tín ở Nhật Bản. Đặc biệt, hệ thống tư tưởng triết học Chu Hi Khổng giáo vẫn có ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ XVIII và cả thế kỷ XIX.

Sau cách mạng Minh Trị (1868), nhất là từ thời kỳ cải cách cho đến thập niên 1880, cùng với sự lên ngôi của Thần đạo (chiếm địa vị như là quốc giáo) thì các tôn giáo khác (trong đó có Khổng giáo) đồng loạt bị mất vị trí vốn có của mình. Tuy nhiên, cuộc cách mạng Minh Trị thực chất là nhằm khôi phục quyền lực của Thiên hoàng và khi đó lòng trung thành được đặt lên hàng đầu trong các mối quan hệ. Ngoài ra, cùng với quá trình cải cách giáo dục thì những giá trị đạo đức, lòng hiếu thảo được đề cao nhằm nâng giáo dục lên một bước phát triển mới. Đây là một thuận lợi bởi Khổng giáo đã từng có một vị trí quan trọng trong lịch sử Nhật Bản nên việc khôi phục lại những giá trị đó là không quá khó khăn, phức tạp. Kết quả là từ thập niên 1880, Khổng giáo (cùng với một số tôn giáo khác) được khôi phục vị trí vốn có của mình. Bước sang thế kỷ XX, Khổng giáo không chỉ khôi phục hoàn toàn mà còn phát triển rất mạnh biểu hiện qua việc thành lập nhiều tổ chức Khổng giáo cùng các nghi lễ liên tục được tiến hành. Đương nhiên, những giá trị cơ bản của Khổng giáo về đạo đức, hiếu thuận được đưa ra nhằm đưa đến sự hài hoà trong quan hệ xã hội. Qua đó, loại bỏ những tư tưởng cực đoan, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ du nhập từ phương Tây bắt đầu xuất hiện ở Nhật Bản. Cho tới trước năm 1945, Khổng giáo ở Nhật Bản không ít lần bị lợi dụng để sử dụng cho mục đích xâm lược, thậm chí được gắn với chủ nghĩa dân tộc cực đoan nên vị trí, uy tín của Khổng giáo giảm sút mạnh cùng với thất bại của Nhật Bản trong Chiến tranh Thế giới thứ hai.

Từ đó đến nay, Khổng giáo ở Nhật Bản đã được nhìn nhận và đánh giá một cách tích cực hơn song số ràng ảnh hưởng của đạo này đã suy giảm từ sau năm 1945. Do đó, những di sản của Khổng giáo như đền thờ, kinh sách vẫn tiếp tục được duy trì, nghiên cứu, sử dụng song trên thực tế nó có xu hướng mang ý nghĩa tương đối khác trong bối cảnh xã hội Nhật Bản hiện đại ngày nay.

*
* *

Như vậy, Khổng giáo tuy không phải là tôn giáo bản địa như Thần đạo song từ khi du nhập, tồn tại đến nay, tôn giáo này đã có được vị trí, ảnh hưởng không thể phủ nhận trong lịch sử Nhật Bản. Nói cách khác, vị trí, ảnh hưởng của Khổng giáo có thể thay đổi tùy từng thời điểm, giai đoạn lịch sử cụ thể của nước Nhật nhưng không vì thế làm mất đi những giá trị mà tôn giáo này đã để lại. Dấu ấn của các giá trị đó vẫn hiện hữu (với những mức độ khác nhau) ở nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chính trị, luật pháp, đạo đức và “vị trí” của con người. Chính vì vậy, những giá trị đó được xem như là một phần không thể thiếu của lịch sử Nhật Bản nói chung và lịch sử tôn giáo Nhật Bản nói riêng. Khẳng định như vậy, tức là cũng thừa nhận sự tồn tại của Khổng giáo như một tất yếu, khách quan cùng với tất cả những gì mà tôn giáo này đã để lại trong lịch sử Nhật Bản và còn lưu giữ đến ngày nay. Cho dù sự nhìn nhận, đánh giá có thể khác nhau tùy thuộc sự biến thiên của lịch sử, song những di sản của Khổng giáo vẫn tiếp tục được duy trì ở Nhật Bản như một minh chứng rõ nhất về sự tồn tại của Khổng giáo trong lịch sử quốc gia này./.